



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT QUÝ I NĂM 2010

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

STT	NỘI DUNG	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
A	TÀI SẢN		
I	Tài sản ngắn hạn	347.877.887.567	326.834.934.362
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	19.610.913.495	39.167.744.552
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	67.442.104.400	68.434.924.400
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	80.264.567.206	179.507.674.744
4	Hàng tồn kho	174.856.909.492	28.234.281.429
5	Tài sản ngắn hạn khác	5.703.392.974	11.490.309.237
II	Tài sản dài hạn	122.704.224.197	131.931.955.686
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	122.704.224.197	127.017.955.686
	- Tài sản cố định hữu hình	20.739.273.445	19.929.579.832
	- Tài sản cố định vô hình	11.182.064.862	11.117.691.942
	- Tài sản cố định thuê tài chính		0
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	90.782.885.890	95.970.683.912
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0
5	Tài sản dài hạn khác	0	4.914.000.000
	TỔNG TÀI SẢN	470.582.111.764	458.766.890.048
B	NGUỒN VỐN		
I	Nợ phải trả	124.296.610.761	113.798.280.897
1	Nợ ngắn hạn	118.877.802.559	108.641.245.909
2	Nợ dài hạn	5.418.808.202	5.157.034.988
II	Vốn chủ sở hữu	346.285.501.003	344.968.609.151
1	Vốn chủ sở hữu	343.004.391.681	342.487.769.155
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	87.840.000.000	95.365.050.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	159.069.574.134	159.069.574.134
	- Cổ phiếu quỹ	-18.001.078.300	-18.083.274.700
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
	- Chênh lệch tỉ giá hối đoái	0	0
	- Các quỹ	32.960.423.030	32.960.423.030
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	64.951.130.330	56.729.880.990
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	0	0
	- Vốn khác	16.184.342.487	16.446.115.701
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	3.281.109.322	2.480.839.996
	TỔNG NGUỒN VỐN	470.582.111.764	458.766.890.048

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	CHỈ TIÊU	KỶ BÁO CÁO	LŨY KẾ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	834.982.320.388	834.982.320.388
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d.vụ	834.982.320.388	834.982.320.388
4	Giá vốn hàng bán	791.513.734.733	791.513.734.733
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp d.vụ	43.468.585.655	43.468.585.655
6	Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính	417.074.906	417.074.906
7	Chi phí tài chính	1.127.666.732	1.127.666.732
8	Chi phí bán hàng	29.267.691.010	29.267.691.010
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.646.726.603	1.646.726.603
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11.843.576.216	11.843.576.216
11	Thu nhập khác		
12	Chi phí khác		0
13	Lợi nhuận khác	0	0
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.843.576.216	11.843.576.216
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.960.894.054	2.960.894.054
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.882.682.162	8.882.682.162
17	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	995	995
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

NGƯỜI LẬP BIỂU



KẾ TOÁN TRƯỞNG



Tp.HCM, ngày 20 tháng 4 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Đức Hạnh

Nơi nhận:

- TTCK, web COM;
- T/V HĐQT, Ban TGD;
- BKS;
- P.TV;
- Lưu VT.